

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết Bệnh viện Nhi Thanh Hóa.

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại theo cụm đặt tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa phường Đông Vệ, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa do Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường nâng quy mô Bệnh viện Nhi Thanh Hóa từ 500 giường bệnh lên 750 giường bệnh, tại phường Đông Vệ và phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy xác nhận số 208/GXN-UBND, ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại cho Bệnh viện Nhi Thanh Hóa tại phường Đông Vệ, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 2276/BVN-HCQT ngày 19/9/2023 của Bệnh viện Nhi Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1595/TTr-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Nhi Thanh Hóa tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường

của “Bệnh viện Nhi Thanh Hóa tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Nhi Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 724, đường Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 2590/TH-GPHĐ ngày 02/10/2018 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp;

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 54.545 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: 750 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Nhi Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 12 năm 2033).

Giấy xác nhận số 208/GXN-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại cho Bệnh viện Nhi Thanh Hóa tại phường Đông Vệ, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 38000008.T (cấp lại lần 1) ngày 28/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của bệnh viện được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Nhi Thanh Hóa;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải phát sinh từ khu nhà A, B, C, khu khám bệnh theo yêu cầu, khoa dinh dưỡng với lưu lượng $216,16 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm:

- Khu nhà A: Lưu lượng $27,96 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $9,912 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; đại tiểu tiện $18,048 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$);

- Khu nhà B: Lưu lượng $37,44 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $14,768 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; đại tiểu tiện $19,172 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước thải y tế: $3,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$);

- Khu nhà C: Lưu lượng $125,56 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $95,192 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; đại tiểu tiện $30,368 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$);

- Khu khám bệnh theo yêu cầu: Lưu lượng $10,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $2,04 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đại tiểu tiện $8,16 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$);

- Khoa dinh dưỡng (Nước thải nhà ăn): Lưu lượng $15 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2. Nước thải phát sinh từ nhà D, Khoa nhiệt đới, khu vực lưu giữ chất thải có tổng lưu lượng $119,813 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm:

- Khu nhà D: Lưu lượng $100,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $74,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; đại tiểu tiện $25,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

- Khu nhà bệnh nhiệt đới: Lưu lượng $16,58 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tắm rửa: $12,436 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; đại tiểu tiện $4,144 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

- Khu lưu giữ chất thải: Lưu lượng $3,033 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (từ rửa thùng rác, sàn nhà chứa rác thải).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải từ bể khử trùng đạt tiêu chuẩn thải ra mương thoát nước thải chung của thành phố (dọc theo đường Trịnh Kiểm phía Nam bệnh viện).

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải: Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 , như sau: $X = 2187454 \text{ (m)}$; $Y = 580837 \text{ (m)}$.

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất đề nghị cấp phép: $420 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3. Phương thức xả nước thải:

- Tự chảy tràn và kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào mương thoát nước thải chung của thành phố (dọc theo đường Trịnh Kiểm phía Nam bệnh viện).

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm các chỉ tiêu đạt yêu cầu đối với nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung thành phố Thanh Hóa và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Chỉ tiêu nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung thành phố Thanh Hóa	QCVN 28: 2010/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5-8,5	-	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	150	-	
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	30	-	
4	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	-	
5	Tổng Nitơ	mg/l	50	-	
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	20	
7	TSS	mg/l	-	100	
8	Tổng Coliform	MPN/100 ml	-	5.000	
9	Salmonell1	Vi khuẩn/100ml	-	KPH	
10	Shigella	Vi khuẩn/100ml	-	KPH	
11	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	-	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa chảy tràn trên mái và sân, đường nội bộ → ống cống thoát nước mưa bằng BTCT D300, D600 có bố trí 51 hố ga, 13 giếng thăm (trên hệ thống thoát nước mưa) lắng cặn → mương thoát nước mưa thành phố dọc theo trục Quốc lộ 1A.

+ Nước mưa trên mái khoa dinh dưỡng, tòa nhà C, nhà A theo đường ống nhựa PVC D90 chảy dọc theo tường nhà thu gom cùng với nước mưa trên mặt đường vào cống BTCT D300 L = 24m → Cống BTCT D600 chiều dài L=232m (Đường thoát nước mưa chính dọc theo trục đường nội bộ trong bệnh viện) → cống BTCT D1000 dọc theo đường Quốc Lộ 1A.

+ Nước mưa tại khoa Nhiệt đới, nhà D, nhà B, khu khám chữa bệnh theo yêu cầu, khu vực nhà để xe chảy theo hướng từ Tây sang Đông → Cống nhánh BTCT D300 có chiều dài L = 94m → Cống BTCT D600 có chiều dài L = 417m.

+ Nước mưa tại khu vui chơi, khu vực phía sau nhà D chảy dọc theo cống BTCT D300 (chiều dài L = 42m) → Cống BTCT D600 (chiều dài L = 122 m) dọc theo các đường nội bộ phía trước tòa nhà C → Cống BTCT D1000 dọc theo Quốc lộ 1A.

+ Nước mưa từ khu vực trạm XLNT tập trung → cống BTCT D600 (Chiều dài L=143m) dọc theo các đường nội bộ → Cống BTCT D1000 trên trục quốc lộ 1A.

- Thu gom nước thải:

+ Nước thải từ các khu nhà A, B, C, D, khu khám bệnh theo yêu cầu gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn sau đó cùng nước thải tắm, rửa → Đường ống PVC D110; Nước thải y tế (từ labo xét nghiệm) khu nhà B → Bể lắng; Nước thải khoa dinh dưỡng → Bể tách dầu. Nước thải từ đường ống PVC D110, Bể lắng, Bể tách dầu → Đường ống CP D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

+ Nước thải phát sinh từ nhà D, Khoa nhiệt đới gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn sau đó cùng nước thải tắm, giặt, nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị tại khu nhà lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt → Đường ống CP D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 05 ngăn: Số lượng 28 bể.

- Bể tách dầu mỡ: Thể tích 10,2m³.

- Đường ống CP D200: Chiều dài L = 1082m.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công suất 446m³/ngày.đêm (tính toán căn cứ dung tích các bể theo hồ sơ hoàn công).

Quy trình công nghệ: Nước thải bệnh viện (gồm: Nước thải sinh hoạt; Nước thải y tế; Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn sau xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể lắng → Bể yếm khí vách ngăn → Bể lọc yếm khí → Bể lọc ngầm trồng cây → Bể khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; bể tách dầu mỡ, bể lắng của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga, bể tách dầu mỡ: 03 tháng/lần.

+ Bể lắng nước thải của hệ thống xử lý tập trung: 24 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể lắng, bể yếm khí vách ngăn, bể lọc yếm khí (1lần/năm).

+ Thay vật liệu lọc: Bể lọc yếm khí (2-3năm/lần); bãi lọc ngầm (3-5 năm/lần).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

+ Tại hố ga, bể lắng, tách dầu mỡ: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn việc dẫn nước vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng thiết bị: Trang bị các thiết bị dự phòng có nguy cơ hư hỏng cao như: máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để sẵn sàng thay thế các thiết bị trong trường hợp hư hỏng. Thực hiện lưu giữ nước thải tại bể thu gom và bể lắng của hệ thống xử lý, nhanh chóng khắc phục thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt yêu cầu chỉ tiêu nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung thành phố Thanh Hóa và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định Khoản 3, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 12/2023 đến tháng 2/2024).

2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ NT2: Nước thải tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện thuộc đối tượng quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành ổn định, Bệnh viện Nhi Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện giao thông vào ra bệnh viện
- Nguồn số 02: Hoạt động của thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khuôn viên bệnh viện tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.
- Nguồn số 02: Tại khu vực đặt thiết bị khám chữa bệnh, toạ độ X = 2187474.450 (m); Y = 580786.400(m).
- Nguồn số 03: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng, toạ độ X= 2187683.8(m); Y=581041.8(m).
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khuôn viên bệnh viện tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 02: Khu vực đặc biệt
- Nguồn số 01 và số 03: Khu vực thông thường

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	55	45	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt (Khu vực khám chữa bệnh)
2	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt (Khu vực khám chữa bệnh)
	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Đế máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. /.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại bệnh viện:

1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Danh mục	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	65
2	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	27
3	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phân nguy hại	18 02 01	200
4	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	130103	3.700
5	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	130102	23
6	Các loại dầu thải	17 02 03	190,46
7	Chất thải lây nhiễm - Chất nguy hại lây nhiễm sắc nhọn, - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn - Chất thải giải phẫu	13 01 01	36.135
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10 02 03	30.000
	Tổng khối lượng		70.340,46

1.2. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường (phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh):

- Khối lượng CTR không tái chế

TT	Danh mục	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn không tái chế	248.200
	Tổng khối lượng	248.200

- Khối lượng CTR tái chế:

TT	Danh mục	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn tái chế	62.050
	Tổng khối lượng	62.050

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác màu vàng đặt trên xe tiêm	Dung tích 5 lít	150 cái
2	Thùng rác màu vàng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	100 cái
3	Thùng rác màu đen đặt tại phòng thủ thuật, tiểu phẫu, phẫu thuật	Dung tích 15 lít	14 cái
4	Thùng Composite màu vàng 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	15 cái
5	Thùng Composite màu đen 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	05 cái
6	Thùng Composite màu vàng 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	15 cái
7	Thùng Composite màu đen 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	10 cái
8	Thùng phi 240L chứa dầu thải	Dung tích 240 lít	02 cái
9	Hộp đựng chất thải sắc nhọn bằng kim loại màu vàng	dung tích 1,5-2lít	168 hộp

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- 01 Khu nhà lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 66m².

- 01 Nhà đặt thiết bị Steril wave 440 diện tích 97,5m².

- Thiết kế, cấu tạo:

+ Khu vực lưu chứa, nhà đặt thiết bị Steril wave 440 là nhà mái bằng được đổ bê tông, nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch kiên cố;

+ Nhà lưu trữ chất thải nguy hại: Kích thước: 10,8 x 6,1(m) chiều cao: 4,0m, là nhà một tầng, tường gạch, mái lợp tôn, cửa xếp thép, được chia thành 3 phòng; 01 phòng đặt tủ bảo ôn chất thải, 01 phòng chứa chất thải nguy hại dễ lây nhiễm, 01 phòng chứa chất thải tái chế.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.3. Chuyển giao và xử lý chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
I	Thùng đựng đặt trên xe tiêm		
	Thùng 5 lít màu trắng	Dung tích 5 lít	150 cái
II	Thùng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc		
	Thùng 15 lít màu xanh	Dung tích 15 lít	200 cái
	Thùng 15 lít màu trắng đặt tại các phòng khám	Dung tích 15 lít	20 cái
	Thùng 15 lít màu trắng đặt tại các phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	20 cái
III	Thùng đựng đặt tại các hành lang		
	Thùng Composite màu xanh 120 lít	Dung tích 120 lít	150 cái
	Thùng Composite màu trắng 120 lít	Dung tích 120 lít	17 cái
IV	Phương tiện thu gom đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ		
	Thùng lưu trữ chất thải thông thường Composite màu xanh, có bánh xe, có tay kéo 240 lít	Dung tích 240 lít	05 cái
	Xe thu gom rác bằng sắt 0,5 m ³	Dung tích 0,5 m ³	11 xe
	Thùng lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt 660L, màu xanh, vật liệu bằng nhựa Composite, có bánh xe, có tay kéo	Dung tích 660 lít	03 cái
	Thùng Composite màu trắng chứa rác thải có thể tái chế 240 lít	Dung tích 240 lít	25 cái

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải trong nhà

- Nhà tập kết rác thải rắn thông thường không tái chế có diện tích 30 m².
- 01 phòng lưu giữ chất thải rắn có thể tái chế 12m² (nằm trong khu lưu trữ chất thải nguy hại trên diện tích 66m²).
- Thiết kế, cấu tạo:
 - + Nhà chứa chất thải rắn thông thường không tái chế được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có cửa sắt và khóa;
 - + Phòng chứa chất thải rắn tái chế: nhà mái bằng được đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch kiên cố;
- Công trình vận chuyển:

+ 03 cầu thang vận chuyển chất thải.

2.2.3. Kho/khu vực lưu chứa ngoài trời

- Thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày.

2.2.4. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn thông thường có thể tái chế và không tái chế cho đơn vị có chức năng xử lý.

3. Hoạt động xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trong Cụm

- **Hệ thống, công trình, thiết bị:**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất	Số lượng
1	Nhà để thiết bị xử lý chất thải nguy hại	97,5m ²	01 nhà
2	Nhà lưu giữ chất thải nguy hại	66 m ²	01 nhà
3	Thiết bị vi sóng tích hợp cắt nhỏ trong cùng khoang xử lý (Steril Wave 440)	35-50 kg/h	02 cái
4	Xe ô tô chuyên dụng chở rác thải nguy hại y tế và được phép xử lý cho các bệnh viện thuộc CỤM SỐ 1 theo quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh.	1,5 tấn	01 xe

- **Loại chất thải nguy hại xử lý:**

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn

+ Chất thải giải phẫu

Theo quyết định số 3262/QĐ -UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh, quyết định về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch Quản lý chất thải y tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Cụm số 1 xử lý chất thải y tế lây nhiễm được đặt tại Bệnh viện Nhi, được phép xử lý chất thải lây nhiễm với tổng khối lượng là 600kg/ngày tương đương 219.000 kg/năm.

- **Địa bàn thu gom:**

Bao gồm các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và huyện Quảng Xương, TP.Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa (gồm: Bệnh viện Phụ sản; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Da liễu; Bệnh viện YDHCT; Bệnh viện đa khoa thành phố; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện đa khoa Quảng Xương; Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn; Bệnh viện PHCN; Các Bệnh viện tư nhân, phòng khám đa khoa và các Trạm y tế; Các Trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh).

- **Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý chất thải nguy hại**

Công nghệ xử lý chất thải nguy hại bằng thiết bị vi sóng tích hợp (Steril Wave 440) với quy trình hoạt động như sau: Chất thải rắn y tế không sắc nhọn → Khoang xử lý → Cắt nhỏ → Tiệt trùng bằng vi sóng → Xả chất thải vào túi đựng

→ Đưa lên xe đẩy → Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt → Vận chuyển đi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt của bệnh viện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TTBTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút âm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại phòng áp lực âm (phòng cách ly tại khu điều trị bệnh nhân cách ly): Phòng áp lực âm là phòng đáp ứng mọi tình huống cứu chữa bệnh và đảm bảo an toàn tránh lây nhiễm cho các bệnh khác. Không khí chỉ có thể đi vào từ một phía và không thể thoát ra qua phía đó. Không khí ô nhiễm trong phòng sẽ được xử lý bằng hệ thống lọc không khí hiệu quả cao, bao gồm: Bộ

xử lý không khí ICU 1200; Quạt hút gió gắn trần; quạt hút gió gắn ống gió; Đồng hồ chênh áp suất - màn hình hiển thị kỹ thuật số.

- Tại các khu nhà vệ sinh: Bệnh viện đã lắp đặt quạt hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Ngoài các biện pháp xử lý cục bộ áp dụng tại các khu nhà làm việc, bệnh viện đã trồng cây xanh để thanh lọc không khí đồng thời điều hòa vi khí hậu trong khuôn viên bệnh viện. Cây xanh được trồng dọc theo các tuyến đường nội bộ, dọc tường rào bao quanh khu đất và tại các khu vực quy hoạch khuôn viên cây xanh với tổng diện tích là 11.191 m².

- Đối với máy phát điện dự phòng: Bệnh viện đã bố trí máy phát điện tại khu nhà riêng biệt, cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, nên hoạt động của máy phát điện không ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh, bệnh nhân và y bác sỹ, nhân viên làm việc tại bệnh viện. Máy phát điện dự phòng của Bệnh viện phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.